

Số: 3605 /QĐ -STC

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán
ngân sách nhà nước quý III năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật NSNN;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 02/6/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Thừa Thiên Huế;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc quy định tổ chức thực hiện ngân sách nhà nước địa phương năm 2023;

Căn cứ Công văn số 9712/UBND-TC ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh về đẩy mạnh công khai ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý ngân sách,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước tỉnh quý III năm 2023 các biểu và thuyết minh kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Quản lý ngân sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh; (để báo cáo)
- Công thông tin điện tử TT Huế;
- Ban biên tập Website Sở Tài chính (để đăng tin)
- Lưu: VT, QLNS (N-4).



KT GIÁM ĐỐC



THUYẾT MINH
Về tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi
ngân sách nhà nước quý III năm 2023

(Kèm theo Quyết định 3605/QĐ-STC ngày 13 tháng 10 năm 2023 về công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước quý III năm 2023 tỉnh Thừa Thiên Huế)

1. Về thu NSNN:

Dự toán phần đầu thu NSNN trên địa bàn (gọi chung là dự toán phần đầu) là 13.000 tỷ đồng, thu 9 tháng đạt gần 7.550 tỷ đồng, bằng 58,1% dự toán phần đầu, bằng 76,1% dự toán HĐND tỉnh giao đầu năm (gọi chung là dự toán giao) và giảm gần 18,3% so với cùng kỳ năm trước. Riêng thu tháng 9 đạt 845 tỷ đồng, bằng 6,5% dự toán phần đầu, bằng 82% số thu tháng 8. Cụ thể như sau:

a. Thu nội địa:

Dự toán phần đầu là 12.280 tỷ đồng, 9 tháng đạt gần 7.052 tỷ đồng, bằng 57,4% dự toán phần đầu, bằng 75,3% dự toán giao và giảm 19,3% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do giảm nguồn thu tiền sử dụng đất và nguồn thu tiền thuê đất; trong đó:

- Thu nội địa (không gồm thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) 9 tháng đạt 6.063 tỷ đồng, bằng 73,5% dự toán phần đầu, bằng 83,7% dự toán giao và tăng 72,4% so với cùng kỳ.

Một số khoản thu đạt cao như thu từ khu vực đầu tư nước ngoài 3.092 tỷ đồng, vượt 22,6% so với cùng kỳ năm trước (riêng tháng 9 đạt 360 tỷ đồng, tăng hơn 60 tỷ đồng so với tháng 8); thu khác tăng 10,6%; thu xổ số kiến thiết tăng 21,3%, thu phí lệ phí tăng gần gấp đôi do năm 2023 phát sinh nguồn thu phí tham quan di tích.

Các khoản thu từ các khu vực kinh tế khác có xu hướng giảm lớn so với cùng kỳ do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế nói chung và việc thực hiện các chính sách giảm thuế theo các Nghị quyết của Quốc hội, cụ thể: thu ngoài quốc doanh giảm 9%; thu từ DNNN địa phương giảm 28%; thu từ DNNN TW giảm 4,8%; thu thuế bảo vệ môi trường giảm 24,3%; thuế thu nhập cá nhân giảm 19,3%.

- Thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất: 9 tháng đầu năm ước đạt gần 990 tỷ đồng (nếu bao gồm số thu đã đầu nhưng chưa nộp vào ngân sách thì thu 9 tháng đạt

1.046 tỷ đồng), bằng 24,6% dự toán phần đầu, bằng 46,7% dự toán giao và giảm gần 32,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

+ Thu tiền thuê đất đạt 85 tỷ đồng, mới chỉ đạt 11,4% dự toán phần đầu.

+ Thu tiền sử dụng đất đạt 905 tỷ đồng, bằng 27,5% dự toán phần đầu; gồm ngân sách tỉnh đạt 504 tỷ đồng (trong đó phần ngân sách tỉnh tổ chức thu đạt 336 tỷ đồng), bằng 26,6% dự toán phần đầu; ngân sách huyện hưởng đạt 401 tỷ đồng, bằng 28,8% dự toán phần đầu.

Với tình hình thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất như trên thì thu NSNN trên địa bàn năm 2023 khó có thể đạt được chỉ tiêu 13.000 tỷ đồng.

(kèm theo báo cáo thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất)

b. Thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu: 9 tháng đạt 483 tỷ đồng, bằng 71% dự toán phần đầu (chưa đảm bảo tiến độ theo kế hoạch phần đầu) và bằng 87% dự toán giao.

2. Về chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương HĐND tỉnh giao đầu năm 14.522 tỷ đồng, 9 tháng ước chi đạt gần 8.914 tỷ đồng, bằng 61,3% dự toán, trong đó:

a. Chi đầu tư phát triển:

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển đã giao là 8.232 tỷ đồng, giải ngân 9 tháng đạt 49% kế hoạch vốn giao, gồm:

- Nguồn vốn giao đầu năm là 5.556 tỷ đồng, giải ngân 9 tháng đạt gần 3.013 tỷ đồng, bằng 54% dự toán.

- Nguồn bổ sung trong năm: dự toán vốn giao đến nay là 1.502 tỷ đồng từ các nguồn vượt thu năm 2022, nguồn trung ương bổ sung kinh phí khắc phục hậu quả thiên tai. Chín tháng giải ngân từ nguồn vốn này đạt khoảng 620 tỷ đồng, bằng 41% dự toán.

- Nguồn vốn kéo dài thanh toán từ năm 2022 chuyển sang dự toán giao là 1.174 tỷ đồng, giải ngân 9 tháng đạt khoảng 397 tỷ đồng, bằng 34% dự toán.

Như đã báo cáo các tháng trước, đối với nguồn vốn kéo dài vì thời hạn giải ngân chỉ cho phép đến 31/12 năm nay nhưng đến nay giải ngân từ nguồn vốn này còn rất thấp; riêng tháng 9 giải ngân chỉ đạt khoảng hơn 50 tỷ đồng; do đó, đề nghị các chủ đầu tư cần khẩn trương gấp rút đẩy nhanh giải ngân vốn từ nguồn này.

b. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên 9 tháng ước đạt 5.638 tỷ đồng, bằng 73% dự toán. Cơ bản, các ngành, các địa phương giải ngân kinh phí theo đúng dự toán được giao.

Thực hiện theo quy định tổ chức thực hiện dự toán NSNN năm 2023, hiện nay, UBND tỉnh cũng đã bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương

thực hiện các nhiệm vụ cần thiết phát sinh trong năm nhưng chưa được bố trí dự toán đầu năm 2023. Đề nghị các Sở, ban, ngành, địa phương đẩy nhanh giải ngân thanh toán kinh phí từ các nguồn bổ sung (do các khoản này theo quy định không được phép kéo dài sang năm sau).

c. Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia:

Chín tháng đầu năm giải ngân chương trình mục tiêu quốc gia vẫn còn đạt thấp, khoảng 193 tỷ đồng, bằng 29% dự toán (trong đó: chi từ nguồn vốn đầu tư đạt 119 tỷ đồng/ kế hoạch 367 tỷ đồng, chi thường xuyên đạt khoảng 50 tỷ đồng/269 tỷ đồng).

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.096.000	7.723.233	76	82
I	Thu cân đối NSNN	9.926.000	7.553.233	76	82
1	Thu nội địa	<u>9.360.000</u>	<u>7.052.705</u>	<u>75</u>	<u>81</u>
2	Thu từ dầu thô	<u>0</u>	<u>0</u>		
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	<u>555.000</u>	<u>485.428</u>	<u>87</u>	<u>87</u>
4	Thu viện trợ	<u>11.000</u>	<u>15.100</u>	<u>137</u>	<u>137</u>
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	170.000	170.000	100	113
B	TỔNG CHI NSDP	14.301.331	8.909.738	62	120
I	Chi cân đối NSDP	11.201.731	7.186.597	64	164
1	Chi đầu tư phát triển	<u>3.218.266</u>	<u>1.545.323</u>	<u>48</u>	<u>64</u>
2	Chi thường xuyên	<u>7.735.834</u>	<u>5.638.913</u>	<u>73</u>	<u>110</u>
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	<u>10.689</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	<u>1.180</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
5	Dự phòng ngân sách	<u>235.762</u>	<u>0</u>	<u>0</u>	<u>0</u>
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	3.099.600	1.723.141	56	133
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	468.600	0	0	0
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	16.659	0	0	0

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2023

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	9.926.000	7.552.733	76	82
I	Thu nội địa	9.360.000	7.052.205	75	81
1	Thu từ khu vực DNNN	460.000	272.000	59	84
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	3.100.000	3.092.000	100	123
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.550.000	1.121.005	72	91
4	Thuế thu nhập cá nhân	460.000	389.000	85	81
5	Thuế bảo vệ môi trường	640.000	271.000	42	76
6	Lệ phí trước bạ	350.000	194.000	55	65
7	Thu phí, lệ phí	265.000	280.000	106	219
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.138.000	1.009.800	47	38
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0		
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	16.000	20.200	126	126
-	Thu tiền sử dụng đất	2.000.000	85.000	4	42
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	120.000	904.600	754	4
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	2.000	0	0	0
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	50.000	49.000	98	102

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	62.000	113	0
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	110.000	94.600	86	121
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	22.000	18.800	85	120
13	Thu khác ngân sách	160.000	199.000	124	111
II	Thu từ dầu thô	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	555.000	485.428	87	102
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	479.000	399.683	83	101
2	Thuế xuất khẩu	63.000	55.075	87	103
3	Thuế nhập khẩu	13.000	30.670	236	103
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0		0
6	Thu khác	0	0		0
IV	Thu viện trợ	11.000	15.100	137	50
B	THU NSĐP ĐƯỢC HUỖNG THEO PHÂN CẤP	8.977.600	6.786.400	76	80
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSĐP được hưởng 100%	8.977.600	6.786.400	76	80

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2023

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
	TỔNG CHI NSDP	14.301.331	8.909.735	62	120
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	11.201.731	7.186.594	64	118
I	Chi đầu tư phát triển	3.218.266	1.545.323	48	164
1	Chi đầu tư cho các dự án	3.188.266	1.545.323	48	164
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác	30.000	4.099		10
II	Chi thường xuyên	7.735.834	5.638.913	73	110
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.321.351	2.397.000	72	111
2	Chi khoa học và công nghệ	44.843	33.632	75	90
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	693.904	430.941	62	117
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	130.084	105.651	81	113
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	31.689	21.126	67	85
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	39.129	28.676	73	88
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	241.300	160.867	67	131
8	Chi sự nghiệp kinh tế	928.510	619.007	67	128
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.471.511	1.165.000	79	105

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ III	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
10	Chi bảo đảm xã hội	537.976	460.599	86	99
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	10.689	2.358	22	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.180	0	0	0
V	Dự phòng ngân sách	235.762	0	0	
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỬ NSTW CHO NSĐP	3.099.600	1.723.141	56	133
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	663.223	193.000		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	2.337.950	1.464.523	63	116
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	98.427	65.618	67	198

Ghi chú: Tổng chi trên chưa bao gồm chi cải cách tiền lương và chi từ nguồn thu huy động, đóng góp